TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DK** **TỈNH KH** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 3 - 2020
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK, TỈNH KH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Vinh
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hưởng
  Bà Trần Thị Hoa
- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Kiều - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Dk -KH.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dk tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 289/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXX-ST ngày 12/02/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Tô Văn Tú - sinh năm 1967
Địa chỉ: thôn Đông 2, xã DĐ, huyện Dk, tỉnhKH.
Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Bà Trần thị Thu H - sinh năm 1967
Địa chỉ: thôn Đông 2, xã DĐ, huyện Dk - tỉnhKH.
Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 22/11/2019, bản tự khai ngày 30/12/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Tô Văn Tú trình bày: ông và bà Trần thị Thu H tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau từ năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa hai người đã có 02 con chung hiện nay đều đã trưởng thành; trong cuộc sống vợ chồng ông thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà H có những mối quan hệ không lành mạnh, dẫn đến ông không có sự tin tưởng bà H trong cuộc sống, nhưng ông cố gắng nhẫn nhịn để vợ chồng cùng nuôi dạy con. Đến tháng 9/2018, vợ chồng ông đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, cả hai đã không còn sự quan tâm, chăm sóc, lo lắng và dùng những lời lẽ xúc phạm đến nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông và bà H đã không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2019 cho đến nay, ông không còn tình cảm yêu thương đối với bà H. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần thị Thu H.

Về con chung: có 02 con chung là Tô Trân Thành T - sinh năm 1992 và Tô Trân Thành Thi - sinh năm 1997, đều đã trưởng thành, khỏe mạnh nên ông không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: ông xác định giữa ông và bà H không có nợ chung.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 25, 30/12/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần thị Thu H trình bày: bà và ông Tô Văn Tú chung sống với nhau từ năm 1988, không đăng ký kết hôn như ông Tú trình bày. Cuộc sống vợ chồng không có xảy ra mâu thuẫn, dạo sau này vợ chồng kình cãi là do ông Tú có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, dẫn đến không chăm sóc, quan tâm dẫn đến gia đình không có hạnh phúc, tình cảm giữa vợ chồng đã bị rạn nức. Ông Tú đã bỏ nhà đi, không còn chung sống với bà từ tháng 5/2019 cho đến nay. Bà xác định vẫn còn tình cảm với ông Tú nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung là Tô Trân Thành T - sinh năm 1992 và Tô Trân Thành Thi - sinh năm 1997, đều đã trưởng thành, khỏe mạnh nên bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà xác định giữa bà và ông Tú không có nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Tú vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bà H; Về con chung: đã trưởng thành, không có yêu cầu gì; Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: không có. Bị đơn bà H không đồng ý ly hôn; về con chung: đã trưởng thành, không có yêu cầu gì; Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dk -KH phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ôngTô Văn Tú, không công nhận ông Tô Văn Tú và bà Trần thị Thu H là vợ chồng. Về con chung: tất cả đều đã trưởng thành nên không xem xét; về tài sản chung: ông Tú và chị bà H tự thỏa thuận, nên không xem xét; về nợ chung: ông Tú và chị bà H đều xác định không có, nên không xem xét; về án phí: ôngTô Văn Tú phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: ông Tô Văn Tú và bà Trần Thị Thu H sống chung với nhau vào năm 1988, không có đăng ký kết hôn, hai người đã có 02 con chung đều đã trưởng thành. Ông Tú cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do ông Tú không tin tưởng bà H, vợ chồng kình cãi, không còn sự quan tâm, chăm sóc, lo lắng và dùng những lời lẽ xúc phạm đến nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà H thừa nhận vợ chồng kình cãi, nguyên nhân là do ông Tú có mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, dẫn đến không chăm sóc, quan tâm đến gia đình nhưng bà vẫn còn yêu thương ông Tú nên không đồng ý ly hôn. Hôn nhân xuất phát từ tình yêu thương tự nguyện, tiến bộ. Tuy nhiên, tại các buổi làm việc tại Tòa và tại phiên tòa hôm nay, ông Tú trước sau đều xác định không còn tình cảm với bà H, mặc dù bà H đã cố gắng níu kéo nhưng tình cảm ông dành cho bà H không còn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Tú và bà H chung sống với nhau từ năm 1988, không có đăng ký

kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, cần tuyên bố không công nhận ôngTô Văn Tú và bà Trần thị Thu H là vợ chồng.

[2]. Về con chung: tất cả đều đã trưởng thành nên không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Ông Tú và bà H tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: ông Tú và bà H đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Ông Tú phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Tô Văn Tú và bà Trần thị Thu H là vợ chồng.

[2]. Về con chung: tất cả đều đã trưởng thành nên không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: không có.

[5]. Về án phí:

- Ông Tô Văn Tú phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình 300.000 đồng, ông Tú đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007311 ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Dk. Ông Tú đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnhKH;
- VKSND huyện Dk;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Dk;
- Ủy ban nhân dân xãDĐ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Vũ Thị Kim Vinh